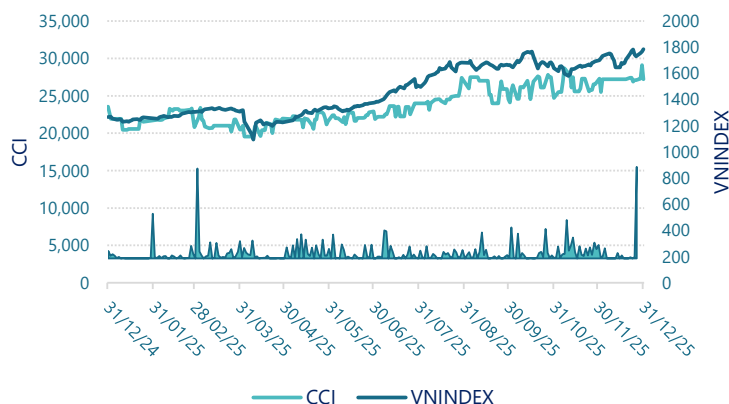


CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp - Thương mại Củ Chi (HSX: CCI)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	27,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	29,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	19,550
SL cổ phiếu LH	17,541,105
KLGD BQ 20 phiên (CP)	390
% sở hữu nước ngoài	2.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	477
P/E	9.5
EPS	2,870

DT thuần

Q4/25

99.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 4.90 | 5.2%

YoY: ▼ 1.50 | -1.4%

LN sau thuế

Q4/25

3.91

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 6.59 | -62.7%

YoY: ▲ 2.75 | 237%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

17.2%

+/- YoY: ▲ 7.4%

DT thuần

2025

382

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 42.0 | -9.8%

LN sau thuế

2025

50.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 17.6 | 53.4%

ROE

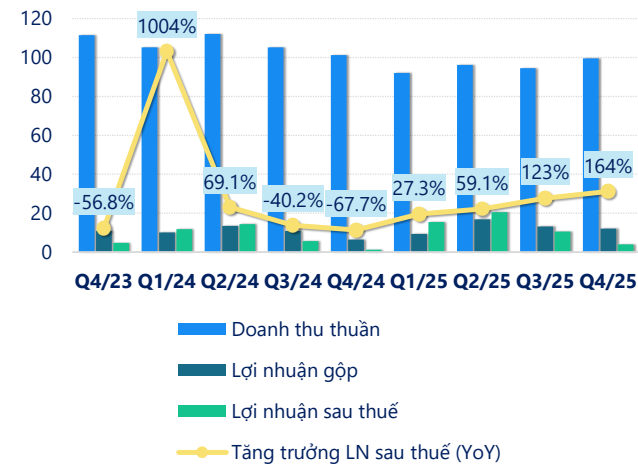
2025

17.9%

+/- YoY: ▲ 5.7%

tỷ VNĐ

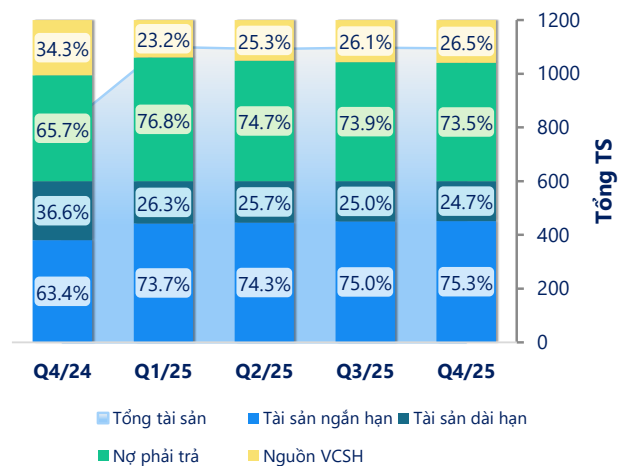
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

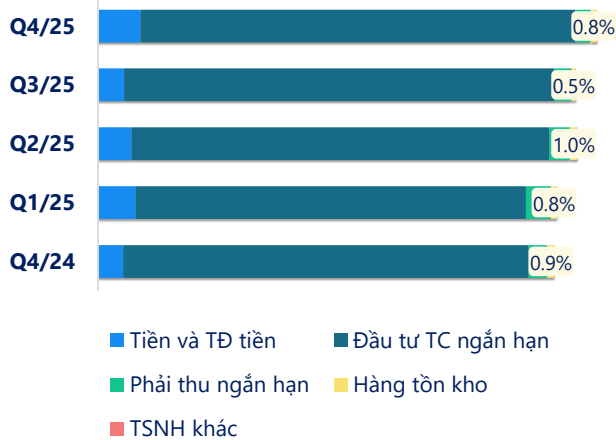
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



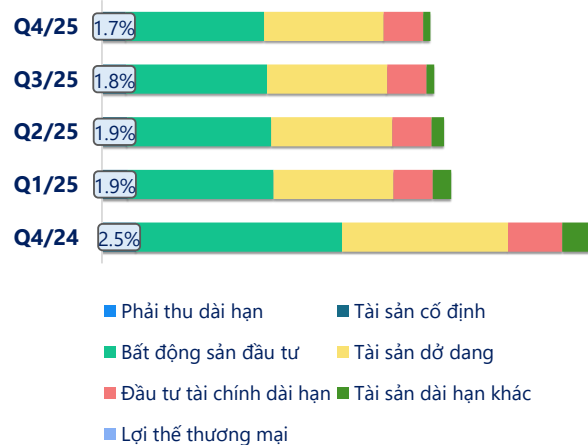
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

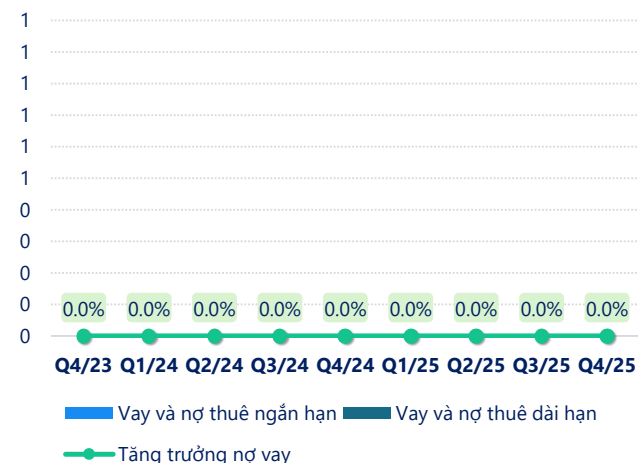
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

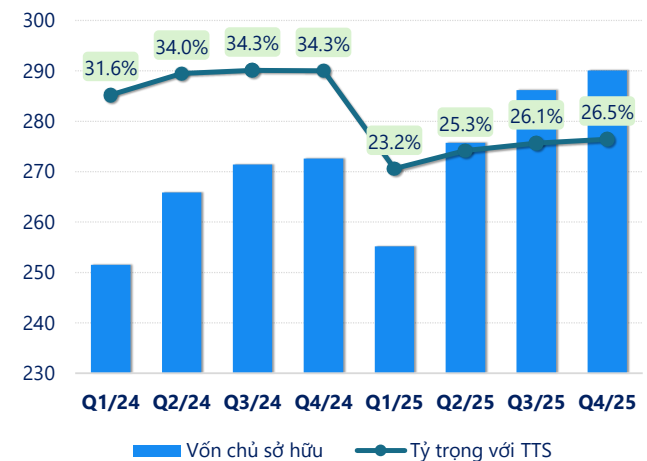
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

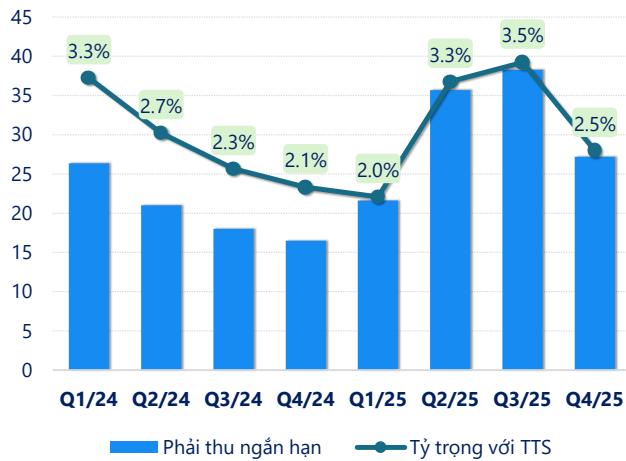
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



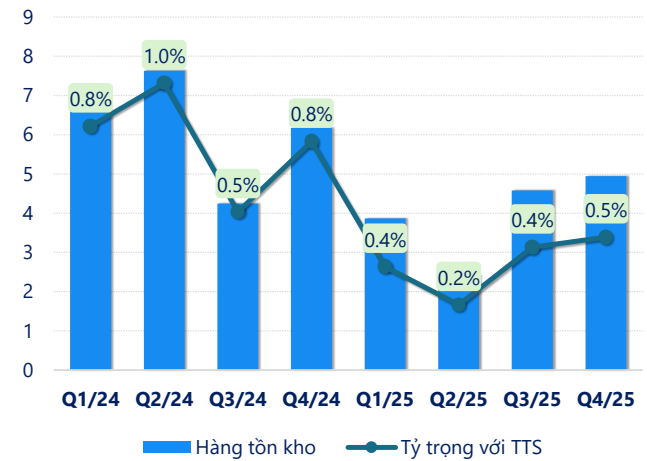
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


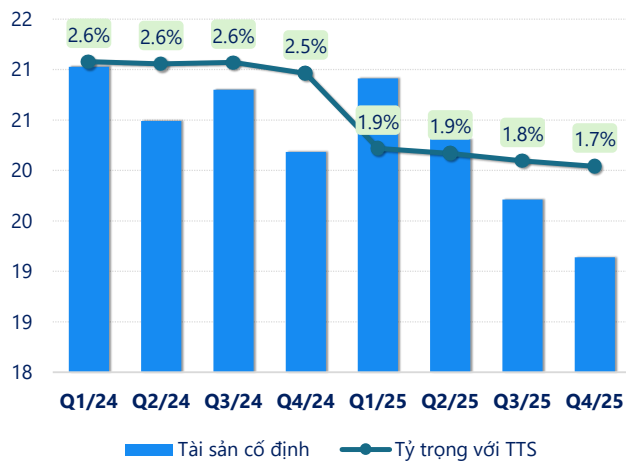
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


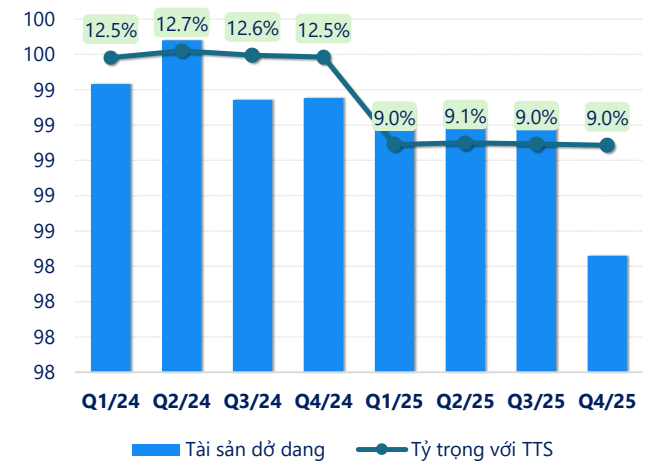
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

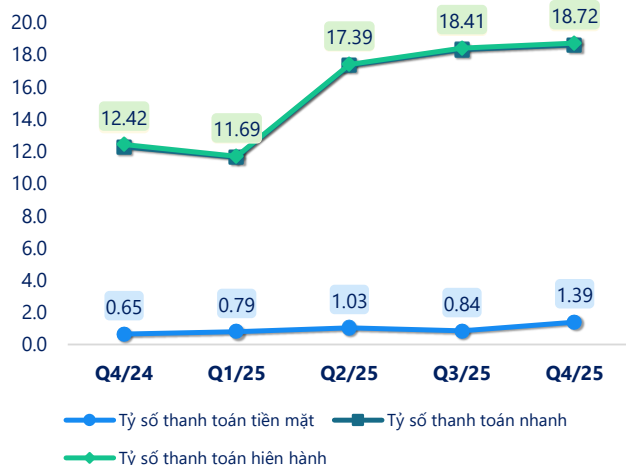
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

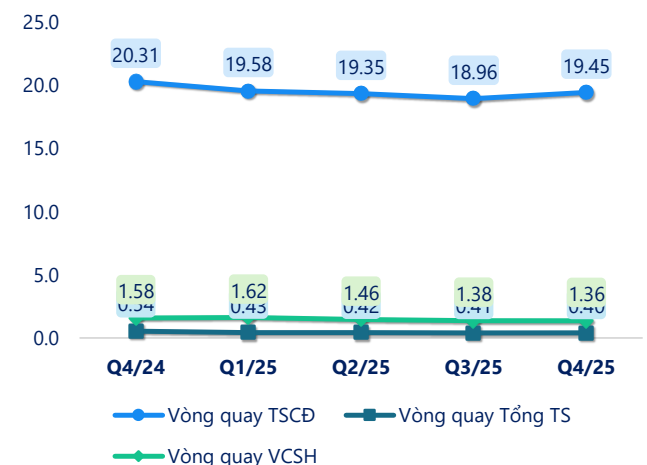
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	795	1,100	1,092	1,097	1,094
Tài sản ngắn hạn	504	811	811	823	824
Tiền và tương đương tiền	26.3	54.6	48.2	37.6	61.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	455	731	724	742	730
Phải thu ngắn hạn	16.5	21.6	35.7	38.3	27.2
Hàng tồn kho	6.18	3.87	2.43	4.58	4.94
Tài sản ngắn hạn khác	0.08	0.05	0.20	0.09	0.18
Tài sản dài hạn	291	289	281	274	270
Phải thu dài hạn	0.19	0.31	0.30	0.30	0.30
Tài sản cố định	20.2	20.9	20.3	19.7	19.1
Bất động sản đầu tư	123	121	118	116	114
Tài sản dở dang	99.4	99.3	99.3	99.3	98.5
Đầu tư tài chính dài hạn	32.5	32.5	32.3	32.3	32.5
Tài sản dài hạn khác	15.7	15.3	10.3	6.51	5.86
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	522	845	816	811	804
Nợ ngắn hạn	40.6	69.4	46.6	44.7	44.0
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	4.42	1.42	0.35	0.34	0.79
Nợ dài hạn	482	776	769	766	760
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	273	255	276	286	290
Vốn chủ sở hữu	273	255	276	286	290
Vốn điều lệ	177	177	177	177	177
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)